

Quan hệ Trung - Mỹ từ năm 1949 đến nay

Nguyễn Thị Thanh Vân *

Tóm tắt: Quan hệ Trung - Mỹ đã trở thành một trong những mối quan hệ quan trọng nhất của quan hệ quốc tế hiện nay. Trong xu hướng phát triển mới, hai bên đang hướng tới một mối quan hệ nước lớn kiểu mới theo nguyên tắc không đối kháng, không xung đột, tôn trọng lẫn nhau, hợp tác cùng thắng. Quan hệ Trung - Mỹ ngày càng tác động, chi phối tới sự hình thành một cục diện chính trị chiến lược mới trên thế giới và ở các khu vực. Mối quan hệ đó đặc trưng bởi tính chất hợp tác và đấu tranh, kiềm chế đan xen nhau. Về lâu dài, hai bên sẽ mâu thuẫn về lợi ích chiến lược song trong tương lai gần nhưng vẫn cần nhau trên cả các mặt an ninh, chính trị, kinh tế trong quan hệ song phương cũng như đa phương.

Từ khóa: Trung Quốc; Mỹ; quan hệ Trung - Mỹ.

1. Các giai đoạn trong quan hệ Trung - Mỹ từ 1949 đến nay

1.1. Giai đoạn 1949 - 1971

Nhìn lại quá trình lịch sử kể từ khi thành lập nước Cộng hòa Nhân dân (CHND) Trung Hoa năm 1949 cho đến khi Trung Quốc bình thường hóa quan hệ với Mỹ, ưu tiên lớn nhất trong chính sách của Trung Quốc là nghiêng hẳn về Liên Xô, trở thành một thành viên quan trọng của phe xã hội chủ nghĩa, chống lại phe tư bản chủ nghĩa do Mỹ đứng đầu. Tuy coi việc ngả hẳn về Liên Xô là một “mối quan hệ bình đẳng” nhưng Mao Trạch Đông khẳng định chiến lược này không làm cho Trung Quốc mất đi sự độc lập và trở thành một quốc gia vệ tinh của Liên Xô. Chính sách “nhất biên đảo” của Trung Quốc là một chính sách nặng về yếu tố an ninh do bối cảnh lịch sử và ý thức hệ chi phối. Đến cuối những năm 1960, Trung Quốc vẫn coi Mỹ là “kẻ thù” số 1, là đại diện của chủ nghĩa đế quốc mà Trung Quốc kiên quyết chống lại. Trong 23 năm kể từ khi nước CHND Trung Hoa được thành lập cho đến năm 1972, Mỹ và Trung Quốc không có bất cứ mối quan hệ ngoại

giao chính thức nào. Ngược lại, Mỹ cũng áp đặt một chính sách cứng rắn đối với Trung Quốc: không công nhận nước CHND Trung Hoa, áp đặt lệnh cấm vận thương mại đối với Trung Quốc, cấm công dân Mỹ đến Trung Quốc, ủng hộ vị trí trong Hội đồng Bảo an Liên Hợp Quốc của Đài Loan, sử dụng Hạm đội 7 để bảo vệ Đài Loan trước các khả năng bị Trung Quốc tấn công, bán vũ khí cho chính quyền Tưởng Giới Thạch. Năm 1955, Tổng thống Mỹ Dwight Eisenhower còn đe dọa tấn công hạt nhân đối với Trung Quốc sau cuộc khủng hoảng eo biển Đài Loan năm 1954. Ngay cả khi mâu thuẫn Trung - Xô diễn ra và Mỹ có hài lòng với sự kiện này như thế nào, song không vì thế mà quan hệ Mỹ - Trung được cải thiện ngay lập tức. Trung Quốc khi đó đã trở thành đối tượng “kiềm chế” chính của Mỹ. Quan hệ thù địch giữa Mỹ và Trung Quốc còn được đẩy lên cao hơn khi năm 1964 Trung Quốc chế tạo thành công bom nguyên tử.

Sau khi xảy ra mâu thuẫn nghiêm trọng

(*) Thạc sĩ, Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh.
ĐT: 0936362028, mail: vanhvcet@gmail.com

với Liên Xô, Trung Quốc đã theo đuổi chính sách vừa chống lại Mỹ, vừa chống lại “chủ nghĩa xét lại” Liên Xô trong điều kiện thế và lực không cho phép. Thêm vào đó, cuộc “Đại Cách mạng văn hóa” khởi xướng từ năm 1966, cùng nhiều yếu tố nội bộ khác cũng ảnh hưởng không nhỏ đến sự tồn vong của chế độ chính trị Trung Quốc. Trước các đe dọa về quân sự từ Liên Xô và các nhân tố quan trọng khác chi phối, Trung Quốc buộc phải tìm đến một “đồng minh” có đủ khả năng chống lại mối đe dọa đó và lựa chọn duy nhất chỉ có thể là Mỹ. Đến cuối những năm 1960 đầu 1970, Mỹ cũng đang ở thế kẹt về chiến lược vì vừa phải chống lại sự bành trướng toàn cầu của Liên Xô lại vừa muốn kết thúc cuộc chiến tranh Việt Nam. Do vậy, bình thường hóa quan hệ với Trung Quốc cũng là một khả năng mà Mỹ phải tính đến. Tổng thống Mỹ Richard Nixon đã ra chỉ dấu cho việc bình thường hóa quan hệ với Trung Quốc thông qua việc nói lỏng các cấm vận về thương mại và đi lại với Trung Quốc⁽¹⁾.

1.2. Giai đoạn 1972 - 1979

Dựa trên lợi ích chung và các toan tính chiến lược, Mỹ và Trung Quốc đã bình thường hoá quan hệ vào tháng 2 năm 1972 và tiến tới thiết lập quan hệ ngoại giao chính thức vào năm 1979. Lo sợ trước sự “bành trướng” của chủ nghĩa cộng sản, Mỹ có ý đồ chia rẽ phe xã hội chủ nghĩa nhằm phân tán lực lượng, nên bình thường hóa quan hệ với Trung Quốc là một lựa chọn cấp thiết. Trong khi đó, chính sách đối ngoại của Trung Quốc trong giai đoạn từ năm 1949 - 1972 đã có những điều chỉnh được coi là phù hợp với lợi ích mà Trung Quốc theo đuổi trong giai đoạn này. Từ lựa chọn chính sách “nhất biên đảo” ngả hẳn về Liên Xô, sau đó Trung Quốc chuyển sang chống lại Liên Xô và Mỹ, cuối cùng là bình thường hoá quan hệ với Mỹ để tập hợp lực lượng chống lại Liên Xô, “mối đe dọa” mà

Trung Quốc coi là nguy hiểm nhất. Đánh giá về điều chỉnh đó, có thể thấy rằng.

Thứ nhất, chính sách đối ngoại của Trung Quốc chuyển từ một chính sách nặng về ý thức hệ sang một chính sách thực dụng hơn, sát cánh với Mỹ để chống Liên Xô, tận dụng mâu thuẫn giữa hai siêu cường hàng đầu thế giới. Vị trí của Mỹ trong chính sách đối ngoại của Trung Quốc đã dần chuyển từ “kẻ thù” sang một dạng “đồng minh” đôi bên cùng có lợi.

Thứ hai, cải thiện quan hệ với Mỹ còn giúp Trung Quốc phát triển quan hệ với nhiều quốc gia khác, đặc biệt các nước phương Tây. Từ chỗ bị cô lập, Trung Quốc đã có cơ hội vươn ra cộng đồng quốc tế. Điều này đã đặt nền móng cho công cuộc cải cách kinh tế thần kỳ do Đặng Tiểu Bình khởi xướng ở giai đoạn sau. Từ góc độ này, Mỹ như là một chiếc cầu nối đưa Trung Quốc “đi ra thế giới” và “đón thế giới vào” mà Trung Quốc phải tận dụng.

Khi Mỹ và Trung Quốc chính thức bình thường hoá quan hệ cũng là giai đoạn cuối của thể hệ lãnh đạo thứ nhất do Mao Trạch Đông và Chu Ân Lai làm hạt nhân. Ở giai đoạn cuối của cuộc “Đại Cách mạng văn hóa”, vai trò của Đặng Tiểu Bình được khôi phục và dần có ảnh hưởng lớn đối với việc hoạch định và triển khai chính sách đối ngoại Trung Quốc. Đặng Tiểu Bình được coi là một trong những người có công rất lớn trong việc bình thường hóa quan hệ Trung - Mỹ. Năm 1976, những hạt nhân của thể hệ lãnh đạo thứ nhất là Mao Trạch Đông và Chu Ân Lai qua đời, Đặng Tiểu Bình từng bước trở thành hạt nhân của thể hệ lãnh đạo thứ hai của Trung Quốc. Sau khi ổn định nội bộ và đấu tranh quyết liệt cho con đường cải cách, năm 1978, Đặng Tiểu Bình bắt tay vào thực hiện công cuộc

⁽¹⁾ Office of the Historian, Bureau of Public Affairs - Department of State, p 231.

cải cách, mở cửa nhằm phát triển đất nước Trung Quốc. Về đối ngoại, Đặng Tiểu Bình chủ trương duy trì môi trường hòa bình cho “4 hiện đại hóa,” và xác lập trật tự kinh tế và chính trị thế giới.

Theo Paul Kennedy trong “Sự hưng thịnh và suy vong của các cường quốc,” Tổng thống Mỹ Richard Nixon từng nhận định rằng: “Sức mạnh kinh tế là then chốt so với các loại sức mạnh khác”⁽²⁾. Là một người thực dụng với chính sách “mèo trắng - mèo đen” nổi tiếng, Đặng Tiểu Bình tập trung vào phát triển kinh tế cho Trung Quốc nhằm tạo ra sức mạnh quốc gia, chính vì vậy một trong những ưu tiên hàng đầu của đối ngoại Trung Quốc dưới thời Đặng Tiểu Bình là thiết lập và duy trì một môi trường thuận lợi nhất cho phát triển đất nước. Đặc điểm của chính sách đối ngoại Trung Quốc thời Đặng Tiểu Bình là “thực tế và thực dụng,” không xác định kẻ thù cụ thể, chống Liên Xô nhưng không từ bỏ con đường chủ nghĩa xã hội, gác lại những bất đồng để thúc đẩy hợp tác nhằm lợi dụng Mỹ phục vụ chiến lược hiện đại hóa Trung Quốc. Dù trong “Thông cáo chung Thượng Hải,” vấn đề Đài Loan được hai bên tạm gác lại nhưng có thể nói, mâu thuẫn lớn nhất để Trung - Mỹ đi tới hợp tác chiến lược chính là vấn đề ý thức hệ⁽³⁾.

Thời điểm diễn ra tiến trình bình thường hóa quan hệ Trung - Mỹ, Mỹ đang ở trong giai đoạn lâm vào khủng hoảng do tác động của cuộc khủng hoảng dầu mỏ thế giới 1973 - 1975, sa lầy trong cuộc chiến tranh Việt Nam, lại phải đối mặt với thế tấn công chiến lược trên toàn cầu của Liên Xô nên dù là một siêu cường, Mỹ cũng có nhu cầu gác lại các mâu thuẫn về ý thức hệ với Trung Quốc để đối phó với Liên Xô, đồng thời chia rẽ phe xã hội chủ nghĩa. Đến năm 1971, Mỹ từ bỏ quan hệ ngoại giao chính thức với Đài Loan, công nhận vị trí của Trung Quốc tại Hội đồng Bảo an Liên Hợp

Quốc thay Đài Loan, thừa nhận chính sách “một Trung Quốc”, và sau đó là quá trình chính thức thiết lập quan hệ ngoại giao với Trung Quốc. Hai bên hoàn thành quá trình bình thường hóa quan hệ khi mở sứ quán tại thủ đô của mỗi nước vào tháng 1 năm 1979. Đây là một trong những sự kiện có ảnh hưởng to lớn tới hai nước Trung - Mỹ và cả thế giới. Như vậy, từ vị thế chủ động trong chính sách với Trung Quốc từ năm 1949, đến thời điểm này, vì lợi ích quốc gia mà Mỹ đã phải có những điều chỉnh theo hướng giảm sự chủ động, tăng tính thỏa hiệp, vì lợi ích xích lại gần Trung Quốc.

Sau khi bình thường hóa quan hệ với Mỹ, Trung Quốc đã đạt được một số thành tựu như: an ninh quốc gia trước Liên Xô được bảo đảm; vai trò của Trung Quốc trong hệ thống quốc tế được thừa nhận; quan hệ của Trung Quốc với các nước trên thế giới được mở rộng. Đó là tiền đề cho công cuộc cải cách, mở cửa. Có thể coi Mỹ là một “đột phá khẩu” cho chiến lược hướng ra bên ngoài của Trung Quốc giai đoạn này, tuy việc bình thường hóa quan hệ với Mỹ đã khiến quan hệ của Trung Quốc với một số nước xã hội chủ nghĩa ngày càng xấu đi. Về ý thức hệ, Trung Quốc vẫn coi Mỹ đứng ở bên kia chiến tuyến, nhưng về kinh nghiệm phát triển và quản lý, Mỹ đã trở thành một “đối tác” cần thiết, có vai trò nền tảng cho sự phát triển trong các giai đoạn sau của Trung Quốc.

1.3. Giai đoạn 1980 - 1990

Đặc điểm của quan hệ Trung - Mỹ thời kỳ này là sự thực dụng, lợi dụng lẫn nhau, tập hợp lực lượng để tạo lợi thế so sánh trong quan hệ với Liên Xô do cả hai nước

⁽²⁾ Xem Paul Kennedy (2010), *The Rise and Fall of the Great Powers: Economic Change and Military Conflict from 1500 to 2000*, Random House, New York.

⁽³⁾ Sờ Thụ Long và Kim Uy (Chủ biên) (2013), *Chiến lược và chính sách ngoại giao của Trung Quốc*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, tr. 88.

đều có chung một “kẻ thù” là Liên Xô. Nhìn chung, quan hệ Trung - Mỹ phát triển “trương đôi ổn định,” thậm chí có cả hợp tác về quân sự⁽⁴⁾. Tuy nhiên, vị thế của Trung Quốc trong chính sách của Mỹ đã giảm dần kể từ khi Gorbachev lên cầm quyền ở Liên Xô, quan hệ Mỹ - Xô có dấu hiệu hòa hoãn và cải thiện. Ngược lại, Trung Quốc thấy rằng, ở góc độ nào đó, quan hệ với Mỹ quá thân cũng không giúp Trung Quốc tạo được thế với Liên Xô mà còn làm cho uy tín của Trung Quốc với các nước thuộc thế giới thứ ba bị suy giảm nghiêm trọng. Cho dù Trung Quốc đã theo đuổi một chính sách thực dụng hơn nhưng trong bối cảnh quốc tế khi đó, Trung Quốc không thể từ bỏ phe xã hội chủ nghĩa để ngã hẳn về Mỹ được. Yếu tố ý thức hệ dù đã giảm dần trong chính sách đối ngoại của Trung Quốc nhưng không mất đi. Mỹ vẫn có một vị trí mang tính “đối tượng” trong chính sách của Trung Quốc.

Kể từ năm 1979, vị trí của Mỹ trong chính sách đối ngoại của Trung Quốc đã có những thay đổi. Khác với nền tảng lý thuyết về “chiến tranh và cách mạng” dưới thời Mao Trạch Đông, chiến lược của Trung Quốc dưới thời Đặng Tiểu Bình là “hòa bình và phát triển,” tập trung vào phát triển kinh tế cho Trung Quốc. Paul Kennedy cũng đánh giá “Trung Quốc dưới thời Đặng là một quốc gia căng ra để phát triển sức mạnh của nó (với tất cả các ý nghĩa của từ đó - sức mạnh) bằng mọi biện pháp thực dụng, cân bằng giữa mong muốn khuyến khích các doanh nghiệp sáng tạo và thay đổi với một quyết tâm ủng hộ sự quản lý của nhà nước trong việc chỉ đạo các sự kiện giúp các mục tiêu quốc gia đạt được như nhanh chóng và thuận lợi nhất có thể”⁽⁵⁾.

Mỹ lúc này không chỉ đóng vai trò là “cầu nối” đưa Trung Quốc ra với thế giới phương Tây, giúp Trung Quốc thiết lập quan hệ với các nước trên thế giới, nâng cao dần vị thế và hình ảnh của Trung Quốc,

mà còn trở thành một “đối tác” tiềm năng cho sự phát triển kinh tế của Trung Quốc. Yếu tố “đối tượng” của Mỹ không mất đi trong chính sách đối ngoại Trung Quốc mà chỉ mờ đi do tính mục đích trong chiến lược của Trung Quốc cần hợp tác và lợi dụng Mỹ trong giai đoạn này. Sau sự kiện Thiên An Môn năm 1989, quan hệ của Trung Quốc với phương Tây xấu đi nghiêm trọng. Mỹ và phương Tây đẩy mạnh các biện pháp trừng phạt, cấm vận mạnh mẽ với Trung Quốc; các hợp tác về kinh tế, chính trị, quân sự với Trung Quốc cũng bị đình chỉ. Vị trí của Trung Quốc trong chiến lược của Mỹ bị hạ thấp và Mỹ bắt đầu thực hiện chính sách “diễn biến hòa bình” đối với Trung Quốc⁽⁶⁾. Thêm vào đó, sự kiện Liên Xô sụp đổ, chiến tranh lạnh kết thúc cũng có ảnh hưởng không nhỏ đến quan hệ Mỹ - Trung giai đoạn này. Có thể thấy, vị trí của Mỹ trong chính sách đối ngoại Trung Quốc giai đoạn 1972 - 1991 thay đổi từ chủ động ngăn chặn, kiềm chế Trung Quốc sang hòa hoãn, thúc đẩy hợp tác rồi lại đẩy mạnh bao vây, cấm vận Trung Quốc.

1.4. Giai đoạn 1991 - 2000

Sau sự kiện Thiên An Môn, Trung Quốc rơi vào tình trạng bị Mỹ và phương Tây tiến hành bao vây, cấm vận. Thời điểm này cũng chứng kiến sự khủng hoảng và sụp đổ của hệ thống xã hội chủ nghĩa. Năm 1991, Bức tường Berlin sụp đổ, Liên Xô tan rã kéo theo sự kết thúc của trật tự thế giới hai cực tồn tại trong suốt thời kỳ chiến tranh lạnh. Lúc này Mỹ mặc nhiên trở thành siêu cường duy nhất, trật tự thế giới chuyển từ

⁽⁴⁾ *Sđd*, tr.92.

⁽⁵⁾ Paul Kennedy (2010), *The Rise and Fall of the Great Powers: Economic Change and Military Conflict from 1500 to 2000*, New York, Random House, tr.447.

⁽⁶⁾ Sở Thủ Long và Kim Uy (chủ biên) (2013), *Chiến lược và chính sách ngoại giao của Trung Quốc*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, tr.93.

“hai cực” sang “nhất siêu, đa cường” với ưu thế vượt trội của Mỹ trên tất cả các lĩnh vực kinh tế, quân sự, chính trị, ngoại giao, văn hoá, khoa học - công nghệ... Ưu tiên hàng đầu trong chính sách đối ngoại của Mỹ là duy trì vị thế “lãnh đạo thế giới,” ngăn chặn bất cứ quốc gia nào có ý đồ vươn lên thách thức vai trò của Mỹ. Kể từ sau chiến tranh lạnh, Trung Quốc luôn đặc biệt coi trọng quan hệ với Mỹ, coi Mỹ là đối tượng chính và đối tác quan trọng trong chính sách đối ngoại của mình, dành vị trí ưu tiên hàng đầu cho mối quan hệ này. Tuy nhiên, trong bối cảnh bị bao vây, cấm vận bởi Mỹ và Phương Tây, Trung Quốc đã phải tiến hành triển khai chính sách “ngoại giao láng giềng,” mở rộng quan hệ với các nước trong khu vực để dần phá thế bao vây cấm vận. Dù phải đối phó với lệnh trừng phạt của Mỹ và phương Tây nhưng Trung Quốc đã khôn ngoan không thành lập một “mặt trận quốc tế thống nhất chống Mỹ” khiến cho quan hệ Trung - Mỹ dù sóng gió nhưng cũng không bị quay lại trạng thái đối đầu những năm trước khi bình thường hóa quan hệ.⁽⁷⁾ Giai đoạn thể hệ lãnh đạo thứ ba có thể được coi là giai đoạn khó khăn nhất trong quan hệ Trung - Mỹ kể từ khi hai nước bình thường hoá quan hệ. Trung Quốc chủ trương không đẩy căng thẳng với Mỹ lên quá cao mà kiên trì thực hiện chính sách “giấu mình chờ thời,” tập trung vào xây dựng và củng cố nội lực của đất nước.

Đối với Trung Quốc, trong những năm 1990, Mỹ là siêu cường duy nhất, là trọng tâm của chính sách đối ngoại Trung Quốc nên Trung Quốc không chủ trương trực tiếp đối đầu. Đối với Mỹ, do sự phát triển vượt bậc của Trung Quốc trong những năm kể từ sau khi Chiến tranh Lạnh kết thúc, Mỹ cũng không thể coi nhẹ vai trò của nước này trong chiến lược của mình. Joseph Nye từng nhận định “nếu Mỹ coi Trung Quốc là kẻ thù thì Trung Quốc sẽ trở thành kẻ thù

của Mỹ trong tương lai. Nếu Mỹ coi Trung Quốc là bạn bè, cho dù không thể bảo đảm được một tình hữu nghị thì Mỹ cũng có thể mở ra cơ hội về những kết quả tốt đẹp hơn”⁽⁸⁾. Trên tinh thần này, năm 1997, Giang Trạch Dân thăm Mỹ và năm 1998, Bill Clinton thăm Trung Quốc giúp cho quan hệ giữa hai nước dần được khôi phục, tăng cường hợp tác. Trung Quốc phát triển về kinh tế sẽ là một thị trường rộng lớn về đầu tư và xuất khẩu của Mỹ.

1.5. Giai đoạn 2001 - 2012

Bước sang thế kỷ XXI, đặc biệt kể từ sau “Sự kiện 11 tháng 9”, chiến lược toàn cầu của Mỹ buộc phải có sự thay đổi, Mỹ phải tập trung vào cuộc chiến chống khủng bố. Trung Quốc ủng hộ Mỹ trong cuộc chiến chống khủng bố nhưng cũng có giới hạn do Trung Quốc lo ngại việc Mỹ có thể tăng cường sự hiện diện ở Trung Á và Đông Nam Á, đặc biệt là hiện diện về quân sự. Tại Trung Quốc, thể hệ lãnh đạo thứ ba dần lui vào hậu trường nhường chỗ cho thế hệ thứ tư của Hồ Cẩm Đào và Ôn Gia Bảo. Lúc này, Trung Quốc duy trì chiến lược tăng cường hợp tác, tranh thủ và tránh đối đầu với Mỹ vì thời kỳ này được đánh giá là có lợi cho Trung Quốc.

Hồ Cẩm Đào chủ trương tận dụng cơ hội Mỹ đang vướng vào cuộc chiến chống khủng bố và sa lầy tại Iraq và Afghanistan để Trung Quốc vươn lên, trở thành một cường quốc toàn cầu dưới tên gọi “trỗi dậy hòa bình”. Năm 2001, Trung Quốc gia nhập Tổ chức Thương mại Thế giới và trong nhiệm kỳ của Hồ Cẩm Đào, tỷ lệ tăng trưởng kinh tế của Trung Quốc luôn ở mức cao, bình quân 13 - 14%/năm giai đoạn 2003 - 2007, thu nhập bình quân đầu người

⁽⁷⁾ *Sđd*, tr.94.

⁽⁸⁾ Joseph Nye (2011), *Should China be contained?*, The Project Syndicate, truy cập ngày 20/4/2014 tại <http://www.project-syndicate.org/commentary/should-china-be-contained-->.

của Trung Quốc cũng không ngừng tăng lên, Trung Quốc trở thành một quốc gia có thu nhập trung bình⁽⁹⁾. Dựa trên tiềm lực kinh tế, Trung Quốc không ngừng tăng cường hiện đại hóa quân đội với ngân sách cho quốc phòng chỉ xếp sau Mỹ⁽¹⁰⁾. Điều đó cho thấy, thời kỳ này được coi là thời cơ chiến lược cho Trung Quốc vươn lên mạnh mẽ và Trung Quốc đã tận dụng rất tốt quan hệ với Mỹ, trở thành người ủng hộ của Mỹ trong cuộc chiến chống khủng bố, trở thành đối tác thương mại lớn thứ hai của Mỹ. Có thể nói, sự phụ thuộc lẫn nhau về kinh tế giữa Mỹ và Trung Quốc kể từ sau chiến tranh lạnh đã tăng lên rất nhiều, đặc biệt từ những năm đầu thế kỷ XXI. Sự phụ thuộc lẫn nhau về kinh tế sẽ dẫn đến sự phụ thuộc lẫn nhau trên các lĩnh vực khác như chính trị, ngoại giao...; điều đó khiến Mỹ và Trung Quốc luôn là các đối tượng, đối tác hàng đầu trong chính sách đối ngoại của nhau.

Nhìn chung, từ trong lịch sử, đặc biệt từ khi Chiến tranh Lạnh kết thúc cho đến nay, quan hệ với Mỹ luôn đóng vai trò quan trọng hàng đầu trong chính sách đối ngoại của Trung Quốc. Mỹ luôn là một đối tượng của ngoại giao Trung Quốc nhưng khía cạnh hợp tác với Mỹ cũng tăng dần qua từng thời kỳ. Gần đây, trước sự “trỗi dậy” mạnh mẽ của Trung Quốc, Mỹ nhận thấy không thể thi hành một chính sách kiềm chế Trung Quốc như trong thời kỳ đầu của Chiến tranh Lạnh mà phải tăng cường can dự với Trung Quốc nhiều hơn nữa, gắn Trung Quốc chặt hơn vào trật tự thế giới do Mỹ chi phối. Tom Donilon, cựu Cố vấn An ninh Quốc gia của Tổng thống Obama cho rằng, quan hệ Mỹ - Trung “tồn tại cả mặt hợp tác lẫn cạnh tranh”, còn cựu Thứ trưởng Ngoại giao Mỹ Robert B. Zoellick thì đưa ra quan điểm Mỹ sẽ chấp nhận sự trỗi dậy của Trung Quốc với tư cách một “cỗ đông có trách nhiệm”⁽¹¹⁾. Vì vậy có thể thấy, Mỹ vừa là “đối tác” quan trọng cho sự phát triển của Trung Quốc nhưng ngược lại,

yếu tố “đối thủ” của Mỹ chưa bao giờ mất đi mà nó thay đổi về hình thức tùy thuộc vào bối cảnh và tình hình thế giới trong thời gian qua.

1.6. Giai đoạn từ năm 2012 đến nay

Trong những năm đầu tiên của thập kỷ thứ hai thế kỷ XXI, tình hình thế giới một mặt vừa hàm chứa các yếu tố phản ánh những xu thế vận động lớn của cục diện thế giới, mặt khác cũng nổi lên nhiều vấn đề lớn, tiềm ẩn nhiều bất trắc khó lường, thậm chí mang tính đột biến tại một số khu vực như Bắc Phi - Trung Đông hay Ukraine/ Crimea. Thế giới tiếp tục vận động hướng tới cục diện “đa cực,” “đa trung tâm.” Trong khi sức mạnh của Mỹ và các nước Liên minh Châu Âu (EU) suy giảm tương đối thì các nền kinh tế mới nổi như Trung Quốc và Ấn Độ lại trỗi dậy mạnh mẽ, kéo theo quá trình chuyển dịch mạnh, trước tiên là sức mạnh kinh tế, từ Tây sang Đông, trong đó khu vực Châu Á - Thái Bình Dương được dự báo sẽ là trung tâm quyền lực mới của thế giới trong thế kỷ XXI.

Tại Châu Á - Thái Bình Dương, Mỹ đẩy mạnh chính sách “tái cân bằng”, chuyển dần nguồn lực về khu vực, làm mới lại các quan hệ đồng minh truyền thống, mở rộng quan hệ với các đối tác mới. Trung Quốc đang theo đuổi một chính sách khẳng định vị thế cường quốc khu vực của mình nhằm bảo đảm mọi lợi ích cốt lõi, duy trì khu vực ảnh hưởng. Tập Cận Bình khi lên nắm

⁽⁹⁾ Tom Orlik (2012), *Charting China's Economy: 10 Years Under Hu*, Wall Street Journal, truy cập ngày 20 tháng 4 năm 2014 tại <http://blogs.wsj.com/chinarealtime/2012/11/16/charting-chinas-economy-10-years-under-hu-jintao/>.

⁽¹⁰⁾ Stockholm International Peace Research Institute, *SIPRI Military Expenditure Database*, truy cập ngày 20 tháng 4 năm 2014 tại <http://milexdata.sipri.org/files/?file=SIPRI+milex+data+1988-2012+v2.xlsx>.

⁽¹¹⁾ Joseph Nye: *Work With China, Don't Contain It*, The New York Times, truy cập ngày 22 tháng 4 năm 2014 tại http://www.nytimes.com/2013/01/26/opinion/work-with-china-dont-contain-it.html?_r=0.

quyền tiếp tục duy trì tư tưởng phát triển Trung Quốc của những người tiền nhiệm nhưng cũng đã đưa ra “Giấc mộng Trung Hoa” hay “Giấc mơ Trung Quốc” với mục tiêu về “sự hồi sinh vĩ đại của dân tộc Trung Hoa”⁽¹²⁾ dựa trên 2 trụ cột chính là: (1) Sức mạnh kinh tế và (2) Vị thế quốc tế⁽¹³⁾. Trung Quốc đã và đang thực thi một chính sách cứng rắn tại Biển Đông và Biển Hoa Đông với Nhật Bản, Philippines, Việt Nam và các nước có yêu sách về chủ quyền trong khi không ngừng tìm cách gia tăng ảnh hưởng tại Lào, Campuchia, Myanmar và một số nước Nam Á. Bên cạnh đó, Tập Cận Bình tiếp tục duy trì chính sách “thiết lập một quan hệ kiều mới dựa trên sự ổn định lâu dài và phát triển vững chắc với các nước lớn khác”⁽¹⁴⁾.

Từ những tuyên bố về một “Giấc mơ Trung Quốc” của Tập Cận Bình có thể thấy về đối ngoại, Trung Quốc sẽ tập trung: (1) Duy trì ổn định hòa bình, phát triển kinh tế nhằm vươn lên vượt Mỹ trở thành kinh tế lớn nhất thế giới; (2) Hiện thực hoá mục tiêu trở thành một cường quốc đại dương; (3) Đầu tư hiện đại hoá quân đội, đặc biệt là hải quân và không quân nhằm bảo vệ các lợi ích cốt lõi của Trung Quốc; và (4) Vươn lên trở thành cường quốc toàn cầu, có vai trò chủ chốt trong hệ thống quốc tế. Để hiện thực hoá “Giấc mơ” của mình, Trung Quốc sẽ tiếp tục định vị Mỹ có vai trò quan trọng hàng đầu trong chính sách đối ngoại trên cả hai mặt “đối tác” và “đối tượng” vì mỗi quan hệ này không chỉ ảnh hưởng đến sự phát triển của Trung Quốc mà còn ảnh hưởng đến toàn bộ đời sống quan hệ quốc tế hiện nay và trong thời gian tới. Đặc biệt, Mỹ trực tiếp ảnh hưởng tới vai trò và vị thế của Trung Quốc trong nền chính trị thế giới.

2. Đặc điểm chung trong quan hệ Trung - Mỹ từ 1949 đến nay

Quan hệ Trung - Mỹ luôn diễn biến phức tạp với các lợi ích đan xen chồng chéo, các

nhân tố tác động tới mối quan hệ cũng mang tính phức tạp và luôn biến động không ngừng. Đặc biệt, quan hệ Trung - Mỹ vẫn nằm trong xu thế chung trong quan hệ giữa các nước lớn, trong đó các nước tìm kiếm sự tập hợp lực lượng với các nước lớn khác song không hình thành liên minh rõ rệt. Do đó, quan hệ Trung - Mỹ về cơ bản vẫn tiếp tục xu hướng vừa hợp tác vừa cạnh tranh. Đánh giá chung quan hệ Trung - Mỹ có một số đặc điểm chính như sau:

Thứ nhất, quan hệ Trung - Mỹ luôn phản ánh đầy đủ hai mặt “hợp tác” và “cạnh tranh” lẫn nhau trong đó “cạnh tranh” là đặc điểm xuyên suốt từ năm 1949 đến nay. Yếu tố hợp tác chỉ bắt đầu xuất hiện từ khi quan hệ Trung - Xô bị chia rẽ, khi cả Trung Quốc và Mỹ đều xác định chung một “kẻ thù” là Liên Xô. Nhìn chung, trong chiều dài quan hệ hai nước, có lúc mặt hợp tác là nổi trội, có lúc đấu tranh là nổi trội. Tuy nhiên, yếu tố “đấu tranh” cũng thay đổi tùy theo nội hàm chính sách đối ngoại Trung Quốc khi xác định Mỹ là “kẻ thù” hay là “đối thủ.”

Thứ hai, “hợp tác” và “cạnh tranh” Trung - Mỹ chịu tác động của các nhân tố “điểm” và “diện”. Trung Quốc có thể xác định Mỹ là đối thủ trong lĩnh vực này nhưng lại là đối tác trong lĩnh vực khác và các yếu tố này biến đổi theo từng giai đoạn (trước và sau khi bình thường hóa quan hệ, trước và sau cuộc chiến chống khủng bố...),

(12) Xem thêm Robert Lawrence Kuhn, *Xi Jinping's Chinese Dream*, truy cập ngày 25 tháng 4 năm 2014 tại <http://www.nytimes.com/2013/06/05/opinion/global/xi-jinpings-chinese-dream.html?pagewanted=all202.html>.

(13) Wikileaks, *Look At The Next 30 Years Of The U.S.-China Relation*, truy cập ngày 25 tháng 4 năm 2014 tại https://www.wikileaks.org/plusd/cables/09BEIJING22_a.html.a

(14) Taylor Fravel, *Foreign Policy Under Xi Jinping*, *The Diplomat*, truy cập ngày 25 tháng 4 năm 2014 tại <http://thediplomat.com/2012/11/foreign-policy-under-xi-jinping/>.

theo từng lĩnh vực (quân sự, dân chủ - nhân quyền, văn hoá, kinh tế), theo vấn đề cụ thể (Biển Đông, Ukraine/Crimea, Bắc Phi - Trung Đông hay vấn đề Đài Loan, Triều Tiên, Iran...) và ở cấp độ toàn cầu, khu vực hay song phương (hợp tác toàn cầu trong cuộc chiến chống khủng bố, chống phổ biến vũ khí hạt nhân, chống biến đổi khí hậu..., đấu tranh ở cấp độ khu vực trong vấn đề, vừa hợp tác vừa cạnh tranh lẫn nhau về kinh tế - thương mại...).

Thứ ba, Mỹ luôn là nhân tố hàng đầu trong chính sách đối ngoại của Trung Quốc, thậm chí là nhân tố quan trọng nhất kể từ khi Liên Xô sụp đổ đến nay. Có thể coi quan hệ với Mỹ là trục chính, xuyên suốt trong chính sách đối ngoại của Trung Quốc để từ đó hoạch định chính sách với các đối tượng khác, ảnh hưởng đến cách hành xử của Trung Quốc ở các cấp độ toàn cầu và khu vực vì lợi ích quốc gia mà Trung Quốc theo đuổi và bảo vệ. Trung Quốc hoạch định chính sách để cạnh tranh ảnh hưởng với Mỹ, nâng cao vai trò của Trung Quốc, mong muốn thiết lập một trật tự thế giới có lợi nhất cho Trung Quốc nhưng Trung Quốc cũng cần Mỹ như là một đối tác phát triển không thể thiếu.

Thứ tư, luôn tồn tại sự thiếu tin tưởng lẫn nhau trong quan hệ Trung - Mỹ do đặc điểm của cạnh tranh chiến lược giữa hai nước lớn. Bên cạnh các nhân tố lợi ích quốc gia, vị thế và ảnh hưởng trên trường quốc tế thì yếu tố ý thức hệ vẫn là một nhân tố không thể không kể đến dù nó rất mờ nhạt trước nhân tố lợi ích quốc gia. Mỹ tấn công mạnh Trung Quốc trong các lĩnh vực dân chủ - nhân quyền, tự do ngôn luận, tự do thông tin và ngược lại Trung Quốc cũng không hài lòng với trật tự thế giới do Mỹ lãnh đạo hiện nay, cho rằng đó là một trật tự thiếu công bằng. Chính vì vậy, trong chính sách đối ngoại của mình, Trung Quốc sẽ không bao giờ có thể bỏ yếu tố “cạnh

tranh” với Mỹ và Mỹ sẽ luôn có vị trí là một “đối thủ” mà Trung Quốc hướng tới vượt qua.

Tài liệu tham khảo

1. Phạm Bình Minh (chủ biên) (2010), *Cục diện thế giới đến 2020*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
2. Nguyễn Thái Yên Hương (chủ biên) (2011), *Quan hệ Mỹ - Trung: Hợp tác và cạnh tranh dưới góc độ cân bằng quyền lực*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
3. Viện Nghiên cứu các vấn đề quốc tế, Bộ Ngoại giao Trung Quốc (2013), *Cục diện thế giới mới và ngoại giao Trung Quốc* (sách xanh), Nxb Tri thức Thế giới, Bắc Kinh, (tiếng Trung).
4. Khúc Tinh (2013), *Xu hướng động thái an ninh quốc tế và ứng phó của ngoại giao Trung Quốc*, Nxb Tri thức thế giới, Bắc Kinh, (tiếng Trung).
5. Cừu Hoa Phi (2013), *Ngoại giao Trung Quốc đương đại và quan hệ quốc tế*, Nxb Thời sự, Bắc Kinh, (tiếng Trung).
6. Tần Á Thanh (2011), *Quan hệ nước lớn và ngoại giao Trung Quốc*, Nxb Tri thức thế giới, Bắc Kinh, (tiếng Trung).
7. Michael Yahuda (2011), *The International Politics of the Asia Pacific* (third and revised edition), Routledge, New York.
8. Kenneth Rapoza (2013), “Within Four Years, China To Consume More Oil Than U.S.,” *Forbes*, truy cập ngày 18 tháng 4 năm 2014 tại <http://www.forbes.com/sites/kenrapoza/2013/08/25/within-four-years-china-to-consume-more-oil-than-u-s/>.
9. Joseph Nye (2013), “Work With China, Don’t Contain It,” *The New York Times*, truy cập ngày 22 tháng 4 năm 2014 tại http://www.nytimes.com/2013/01/26/opinion/work-with-china-dont-contain-it.html?_r=0.
10. Mohan Malik (2012), “The Pivot in US-China Relations,” truy cập ngày 12 tháng 4 năm 2014 tại <http://www.chinausfocus.com/foreign-policy/the-pivot-in-us-china-relations/>.
11. Andrew J. Nathan and Robert S. Ross (1997), *The Great Wall and the Empty Fortress: China’s Search for Security*, New York: W.W. Norton.

